PHAO-LÔ GIÁM MỤC  
TÔI TỚ CÁC TÔI TỚ THIÊN CHÚA  
HỢP NHẤT VỚI CÁC NGHỊ PHỤ CỦA THÁNH CÔNG ĐỒNG  
ĐỂ MUÔN ĐỜI GHI NHỚ

**SẮC LỆNH VỀ ĐÀO TẠO LINH MỤC – OPTATAM TOTIUS**

*Ngày 28 tháng 10 năm 1965*

**SẮC LỆNH VỀ ĐÀO TẠO LINH MỤC – OPTATAM TOTIUS**

**LỜI MỞ ĐẦU**

**I. PHƯƠNG THỨC ĐÀO TẠO LINH MỤC ÁP DỤNG CHO TỪNG DÂN TỘC**

**II. ÂN CẦN CỔ VÕ ƠN THIÊN TRIỆU LINH MỤC**

**III. TỔ CHỨC CÁC ĐẠI CHỦNG VIỆN**

**IV. QUAN TÂM ĐẶC BIỆT ĐẾN VIỆC ĐÀO TẠO TU ĐỨC**

**V. TU CHỈNH CÁC MÔN HỌC CỦA GIÁO HỘI**

**VI. CỔ VÕ VIỆC HUẤN LUYỆN MỤC VỤ**

**VII. BỔ TÚC VIỆC HUẤN LUYỆN SAU KHI MÃN TRƯỜNG**

**KẾT LUẬN**

**Chú thích**

**LỜI MỞ ĐẦU**

Thánh Công Đồng ý thức rõ ràng việc canh tân toàn thể Hội Thánh như mọi người mong đợi tùy thuộc phần lớn vào thừa tác vụ linh mục**1** được Thánh Thần của Chúa Ki-tô tác động; vì thế, Thánh Công Đồng khẳng định tính cách vô cùng quan trọng của việc đào tạo Linh mục và nêu lên một số nguyên tắc căn bản, xác nhận những quy luật do kinh nghiệm từ bao thế kỷ và thêm vào những quy luật mới thích ứng với các hiến chế và sắc lệnh của Thánh Công Đồng này, cũng như với những biến chuyển của thời đại. Do tính chất duy nhất của chức Linh mục Công Giáo, việc đào tạo này rất cần thiết đối với tất cả linh mục thuộc hàng giáo sĩ triều và dòng cũng như các linh mục thuộc mọi nghi lễ phụng vụ khác. Vì thế, những chỉ thị này, dù trực tiếp nhằm vào hàng giáo sĩ giáo phận, nhưng cũng có giá trị cho tất cả các linh mục với những thích ứng cần thiết.

**I. PHƯƠNG THỨC ĐÀO TẠO LINH MỤC ÁP DỤNG CHO TỪNG DÂN TỘC**

**1**

Vì sự khác biệt quá lớn giữa các dân tộc và địa phương, nên Công đồng chỉ có thể nêu lên những quy luật tổng quát, do đó, trong mỗi nước hay mỗi nghi chế phụng vụ, cần phải có riêng một “Chương trình đào tạo linh mục”, được Hội Đồng Giám mục quyết nghị,**2** được thử nghiệm trong một thời gian và được Tòa Thánh phê chuẩn. Như thế, những quy luật phổ quát sẽ được thích nghi với hoàn cảnh đặc thù của địa phương và thời điểm, để việc đào tạo linh mục luôn đáp ứng những nhu cầu mục vụ của từng miền, nơi các linh mục phải thi hành thừa tác vụ.

**II. ÂN CẦN CỔ VÕ ƠN THIÊN TRIỆU LINH MỤC**

**2**

Toàn thể cộng đồng Ki-tô hữu có trách nhiệm cổ võ ơn thiên triệu**3** và phài thực thi nghĩa vụ này trước tiên bằng một đời sống Ki-tô hữu trọn vẹn; phần đóng góp nhiều nhất trong nghĩa vụ này thuộc về các gia đình, nơi nhờ tinh thần đức tin, đức mến và lòng đạo đức tác động, sẽ trở thành như một chủng viện sơ khởi, và các giáo xứ, nơi các thanh thiếu niên được dự phần vào một cuộc sống phong phú dồi dào. Các giáo viên và tất cả những ai có trách nhiệm giáo dục thiếu nhi và giới trẻ dưới bất cứ hình thức nào, nhất là những hội đoàn công giáo, phải chú tâm đào tạo các thanh thiếu niên được trao phó cho họ, để các em có thể nhận ra ơn thiên triệu và sẵn lòng đáp trả. Tất cả các linh mục phải hết sức nêu cao lòng nhiệt thành tông đồ để vun trồng ơn thiên triệu và lôi cuốn tâm hồn giới trẻ đến với chức linh mục, bằng chính đời sống khiêm nhường, cần mẫn, vui tươi của các ngài, cũng như bằng tình tương thân tương ái và cộng tác huynh đệ giữa các linh mục.

Các Giám mục có nhiệm vụ thúc đẩy đoàn chiên và phối hợp chặt chẽ các năng lực cũng như mọi cố gắng để cổ võ ơn thiên triệu; quả thật, các ngài như những người cha không quản ngại hy sinh giúp đỡ những ai các ngài xét thấy là được kêu gọi để trở nên người của Chúa.

Như thế, việc toàn thể dân Chúa tích cực hợp lực cổ võ cho ơn thiên triệu là cách đáp trả cho hoạt động của Chúa Quan Phòng, Đấng ban những tài đức thích hợp và trợ lực bằng ân sủng cho những người được Ngài tuyển chọn, để tham dự vào chức tư tế phẩm trật của Đức Ki-tô, đồng thời trao cho các thừa tác viên hợp pháp của Giáo Hội nhiệm vụ chọn gọi và thánh hiến với ấn tín của Chúa Thánh Thần những ứng viên đã được xác nhận là có tư cách xứng hợp, có ý hướng ngay lành cũng như hoàn toàn tự do trong việc xin lãnh nhận tác vụ linh mục cao cả ấy, để họ phụng thờ Thiên Chúa và phục vụ Hội Thánh.**4**

Trước hết, Thánh Công Đồng đề nghị những phương thế truyền thống để mọi người có thể hợp tác, đó là kiên trì cầu nguyện, hãm mình theo tinh thần Ki-tô giáo, đào tạo giáo dân ngày càng tiến lên trình độ cao hơn bằng việc rao giảng và dạy giáo lý cũng như bằng nhiều phương tiện truyền thông xã hội khác nhau, nhờ đó mọi người hiểu được sự cần thiết, bản chất và sự cao quý của ơn thiên triệu Linh mục. Ngoài ra, Công Đồng yêu cầu các chương trình liên quan đến ơn gọi, đã hoặc sẽ được thành lập dựa trên các văn kiện của Tòa Thánh tại mỗi giáo phận, mỗi miền hoặc mỗi quốc gia, phải được tổ chức có phương pháp và liên hệ chặt chẽ với toàn bộ các hoạt động mục vụ cổ võ cho ơn thiên triệu, phải được thực hiện cách nhiệt thành và thận trọng, đồng thời không nên bỏ qua các hỗ trợ hữu dụng đã được nghiên cứu cách thiết thực trong khoa tâm lý và xã hội học hiện đại.**5**

Xuất phát từ con tim rộng mở, việc cổ võ ơn thiên triệu cần phải vượt khỏi ranh giới của các đơn vị giáo phận, quốc gia, dòng tu hoặc nghi chế phụng vụ, và khi nhận thức được nhu cầu của Giáo Hội phổ quát, phải trợ giúp đặc biệt cho những miền đang cấp thiết cần đến những người thợ làm vườn nho của Chúa.

**3**

Trong các Tiểu Chủng viện được thiết lập để vun trồng mầm non ơn thiên triệu, qua một chương trình đào tạo tu đức đặc biệt, nhất là nhờ sự linh hướng thích hợp, các chủng sinh được chuẩn bị để bước theo Chúa Ki-tô Cứu Thế với tinh thần quảng đại và tấm lòng thanh khiết Với sự dìu dắt đầy tình phụ tử của các bề trên cùng với sự cộng tác thiết thực của phụ huynh, các chủng sinh sẽ có một cuộc sống thích hợp với lứa tuổi, tinh thần và mức độ phát triển của thiếu niên, hoàn toàn phù hợp với tiêu chuẩn tâm lý lành mạnh, đồng thời cũng vẫn có được những kinh nghiệm cần thiết về những thực tại nhân văn và những liên hệ thường xuyên với gia đình.**6** Ngoài ra, các tiêu chuẩn được nêu lên trong các đoạn sau đây dành cho các Đại Chủng viện, cũng phải được thích nghi để áp dụng trong mức độ phù hợp với mục đích và quy chế của các Tiểu Chủng viện. Chương trình học phải được tổ chức sao cho các chủng sinh, khi chọn một bậc sống khác, có thể dễ dàng tiếp tục việc học hành ở những nơi khác.

Phải dành sự chăm sóc tương tự đối với các mầm non ơn gọi nơi thanh thiếu niên tại những cơ sở đặc biệt, do hoàn cảnh địa phương, được thành lập với cùng một mục đích như Tiểu Chủng viện, và cả với ơn gọi của những người đang theo học tại các trường hay cơ sở giáo dục khác; việc lập học viện hay những đề xướng giúp cho những người đã lớn tuổi muốn bước theo tiếng Chúa gọi cũng được đặc biệt khuyến khích.

**III. TỔ CHỨC CÁC ĐẠI CHỦNG VIỆN**

**4**

Các Đại Chủng viện rất cần thiết cho việc đào tạo linh mục. Chương trình giáo dục toàn diện phải hướng đến việc huấn luyện cho các đại chủng sinh trở thành những người chủ chăn đích thực của các linh hồn, theo gương Chúa Giê-su Ki-tô là Thầy, là Tư tế và là Mục tử;**7** vì thế, các thầy phải được chuẩn bị cho thừa tác vụ rao giảng Lời Chúa : để biết tìm hiểu Lời mạc khải của Thiên Chúa ngày càng sâu sắc hơn, biết năng suy niệm để được tinh thông cũng như biết dùng việc rao giảng và chính cuộc sống để trình bày Lời Chúa; các thầy cũng được chuẩn bị cho thừa tác vụ thờ phượng và thánh hóa: để trở nên những người thực hiện công trình cứu độ nhờ Hy tế Thánh Thể và các Bí Tích, qua việc cầu nguyện và chuyên chăm cử hành Phụng vụ thánh; các thầy còn được chuẩn bị cho thừa tác vụ Mục tử: để biết làm cho mọi người nhận ra sự hiện diện của Đức Ki-tô, Đấng “đến không phải để được người ta phục vụ, nhưng để phục vụ, và hiến mạng sống làm giá chuộc muôn người” (Mc 10,46; x. Ga 13, 12-17) và cũng để chinh phục được thêm nhiều người, khi trở nên tôi tớ mọi người (x. 1 Cr 9,19).

Vì thế, chương trình huấn luyện trong các lãnh vực tu đức, tri thức và kỷ luật, đều phải hoạt động đồng bộ hướng đến chủ đích mục vụ này, và để đạt được mục tiêu đó, Ban Giám đốc và các giáo sư phải nhiệt tình và nhất trí, trong khi vẫn luôn vâng phục thẩm quyền Giám mục.

**5**

Việc huấn luyện chủng sinh dựa trên những quy định sáng suốt nhưng vẫn tùy thuộc nhiều nhất vào khả năng của các nhà giáo dục. Vì thế, các vị giám đốc và giáo sư chủng viện phải được chọn lựa trong những người ưu tú nhất.**8**

Các ngài phải được chuẩn bị chu đáo bằng một kiến thức giáo lý vững chắc, với kinh nghiệm mục vụ thích hợp và sự am hiểu đặc biệt về tu đức và sư phạm. Vì thế, để đạt được mục đích này, cần phải mở những học viện hay ít là những giáo trình được tổ chức theo quy chế thích hợp, cũng như những cuộc hội thảo định kỳ cho các vị giám đốc chủng viện.

Ban Giám đốc và các giáo sư phải luôn xác tín rằng kết quả của việc đào tạo chủng sinh tùy thuộc rất nhiều vào cách suy nghĩ và hành động của các ngài. Dưới sự hướng dẫn của vị giám đốc, các ngài phải kết thành một khối nhất thống trong tinh thần và hành động, đồng thời tạo lập giữa các ngài với nhau và với các chủng sinh thành một gia đình, đáp ứng lời cầu nguyện của Chúa “Xin cho họ nên một” (Ga 17, 11) để nuôi dưỡng niềm vui ơn thiên triệu của các chủng sinh. Về phần Đức Giám mục, ngài phải luôn dùng sự chăm sóc đầy ưu ái để động viên những người đang làm việc trong chủng viện, và đối với các chủng sinh ngài phải nên như người cha đích thực trong Chúa Ki-tô. Sau cùng, tất cả các linh mục phải xem chủng viện như trái tim của giáo phận và sẵn lòng đóng góp vào đó những giúp đỡ thiết thực.**9**

**6**

Phải nghiệm xét cẩn thận nơi các ứng viên, tùy theo độ tuổi và khả năng tiến bộ của mỗi người, về ý hướng ngay lành và ý chí tự do, về tư cách xứng hợp trong các lãnh vực tu đức, luân lý và tri thức, về sức khoẻ thể lý và tâm lý thích hợp, kể cả những yếu tố di truyền của gia đình. Đồng thời cũng phải lượng xét về khả năng của các ứng viên trong việc đảm đương các trách vụ linh mục cũng như khả năng thực thi các công tác mục vụ sau này.**10**

Trong toàn bộ việc tuyển chọn và xét duyệt các chủng sinh, luôn phải giữ thái độ kiên quyết, dù có phải chịu tình trạng thiếu linh mục,**11** vì Thiên Chúa sẽ không để Giáo Hội thiếu thừa tác viên, những ai xứng đáng sẽ được phong chức, còn những người không thích hợp sẽ được các bề trên lấy tình phụ tử hướng dẫn kịp thời để đảm nhận những trách nhiệm khác, đồng thời cũng được giúp đỡ để với ý thức về ơn gọi Ki-tô hữu, họ hăng say dấn thân trong việc tông đồ giáo dân.

**7**

Trong trường hợp mỗi giáo phận không đủ khả năng lập chủng viện riêng, phải xây dựng và hỗ trợ các chủng viện chung cho nhiều giáo phận, cho toàn miền hoặc toàn quốc để thực hiện cách hữu hiệu việc giáo dục nghiêm túc cho các chủng sinh, vì đây là điều không thể thiếu sót trong việc đào tạo. Những chủng viện toàn miền hay toàn quốc ấy phải được quản trị theo qui chế do các Giám mục liên hệ ấn định**12** và được Tòa Thánh phê chuẩn.

Trong các chủng viện có đông chủng sinh, phải luôn duy trì sự thống nhất về thể thức hướng dẫn và chương trình học vấn; có thể phân chia các chủng sinh thành từng nhóm nhỏ để cho việc đào luyện bản thân của từng người được tốt đẹp hơn.

**IV. QUAN TÂM ĐẶC BIỆT ĐẾN VIỆC ĐÀO TẠO TU ĐỨC**

**8**

Việc đào tạo tu đức phải gắn liền với việc học hỏi về giáo thuyết và mục vụ, đồng thời, với sự giúp đỡ của vị Linh hướng,**13** các chủng sinh phải tập sống kết hợp liên lỉ và thân tình với Chúa Cha, nhờ Con của Người là Chúa Giê-su Ki-tô, trong Chúa Thánh Thần. Được nên đồng hình đồng dạng với Đức Ki-tô Tư Tế nhờ Bí tích Truyền Chức Thánh, họ luôn sống gắn bó với Người như những người bạn tâm giao**14** trong mối liên kết mật thiết trọn đời. Họ phải sống mầu nhiệm Vượt Qua của Người đến độ có thể đưa cả đoàn chiên được trao phó cùng đi vào mầu nhiệm ấy. Các chủng sinh phải học biết tìm gặp Chúa Ki-tô trong việc trung thành suy gẫm lời Chúa, trong việc thông hiệp tích cực các mầu nhiệm thánh của Giáo Hội, nhất là bí tích Thánh Thể và kinh nguyện thần vụ;**15** họ nhận ra Chúa nơi vị Giám mục đã sai họ đi, và nơi những con người họ được sai đến, nhất là những người nghèo khổ, những người hèn mọn, đau yếu, tội lỗi và chưa có niềm tin. Với tình con thảo, họ yêu mến và tôn kính Đức Trinh Nữ Rất Thánh Ma-ri-a, người Mẹ mà Chúa Ki-tô khi hấp hối trên Thánh giá đã trao ban cho môn đệ yêu dấu.

Phải cố gắng thực hành các việc đạo đức theo như tập quán tốt lành của Giáo Hội, nhưng phải lưu tâm đừng để việc đào tạo tu đức chỉ hạn hẹp trong những việc đạo đức này hay chỉ đáp ứng về mặt tình cảm tôn giáo. Trước tiên, các chủng sinh phải học sống theo mẫu mực Phúc Âm, kiên vững trong đức tin, đức cậy và đức mến, để nhờ việc thực hành các nhân đức này, họ có được tinh thần cầu nguyện,**16** củng cố và bảo vệ ơn gọi của mình, tăng cường những nhân đức khác và thêm nhiệt thành để chinh phục mọi người về cho Chúa Ki-tô.

**9**

Các chủng sinh phải thấm nhuần mầu nhiệm Giáo Hội đã được Thánh Công Đồng này đặc biệt minh giải, sao cho luôn biết gắn bó với vị Đại Diện Chúa Ki-tô bằng một tình yêu khiêm tốn và hiếu thảo, và khi đã trở thành linh mục,**17** họ liên kết với vị Giám mục của mình như những cộng tác viên tín cẩn, và cộng tác với các anh em linh mục khác trong sự hiệp nhất, qua đó có thể lôi kéo mọi người về với Chúa Ki-tô. Phải dạy cho họ biết mở rộng tâm hồn tham gia cuộc sống của toàn thể Giáo Hội theo như lời Thánh Augustinô dạy: “Kẻ nào càng yêu mến Giáo Hội của Chúa Ki-tô, càng có Chúa Thánh Thần”.**18** Các chủng sinh phải hiểu thật rõ mục đích của họ không phải là để đi tìm quyền lực hay danh vọng, nhưng để hoàn toàn phục vụ Thiên Chúa và thực thi tác vụ mục tử. Họ phải được hướng dẫn đặc biệt để có đức vâng phục của đời linh mục, nếp sống khó nghèo và tinh thần từ bỏ,**19** đến độ biết tự nguyện từ bỏ ngay cả những gì được phép nhưng không thích hợp và làm cho mình nên đồng hình đồng dạng với Đức Ki-tô chịu đóng đinh.

Các chủng sinh phải được dạy để biết rõ về những trách nhiệm họ phải đảm nhận, cũng như về những khó khăn của đời linh mục; tuy nhiên, đừng để cho các chủng sinh nghĩ rằng công tác sau này của họ hầu như chỉ toàn là nguy hiểm, nhưng tốt hơn nên giúp họ biết củng cố thật vững mạnh đời sống thiêng liêng xuất phát từ hoạt động mục vụ.

**10**

Đối với các chủng sinh đang noi giữ truyền thống đáng kính của nếp sống độc thân linh mục theo các quy luật thánh thiện và kiên vững trong nghi chế phụng vụ của mình, họ phải được đào tạo cách cẩn thận để sống một bậc sống mà trong đó, khi khước từ đời sống hôn nhân vì Nước Trời (x. Mt 19, 12), họ gắn bó với Chúa bằng một tình yêu không san sẻ**20** hoàn toàn phù hợp với Giao Ước mới, làm chứng cho cuộc sống lại trong thế giới tương lai (x. Lc 20,36),**21** và nhận được sự trợ lực vô cùng thích hợp cho việc thực thi không ngừng đức ái toàn hảo, nhờ đó họ trở nên mọi sự cho mọi người trong thừa tác vụ linh mục.**22** Họ cần cảm nhận rằng mình phải đón nhận bậc sống này với cả tâm tình tri ân cảm tạ, không như một qui định của giáo luật, nhưng như một ân huệ quý báu của Thiên Chúa mà họ luôn khiêm tốn van xin và mau mắn đáp trả cách tự do và quảng đại, nhờ ơn Chúa Thánh Thần thúc đẩy và giúp đỡ.

Các chủng sinh phải hiểu biết chính xác các bổn phận và phẩm giá của hôn nhân công giáo, là biểu trưng cho tình yêu của Chúa Ki-tô và Giáo Hội (x. Ep 5,22-23); họ cũng phải nhận thức tính cách ưu việt của đức khiết tịnh dâng hiến cho Chúa Ki-tô,**23** để tận hiến trọn hồn xác cho Chúa bằng một quyết định chín chắn và quảng đại.

Các chủng sinh cũng cần được cảnh báo về những hiểm nguy đe dọa đức khiết tịnh, nhất là trong xã hội hiện đại;**24** nhờ sự hỗ trợ của Chúa và của con người nâng đỡ, họ phải học biết thực thi hoàn toàn việc khước từ hôn nhân, sao cho nếp sống độc thân không hề gây tổn hại cho cuộc sống và hoạt động của họ, nhưng đúng ra giúp họ biết làm chủ hồn xác vững vàng hơn và đạt tới sự trưởng thành trọn vẹn hơn, đồng thời giúp họ cảm nghiệm cách hoàn hảo hơn mối phúc thật được nói đến trong Phúc Âm.

**11**

Các tiêu chuẩn giáo dục Ki-tô giáo phải được tuân hành cách hoàn hảo, và được bổ túc thích đáng bằng những khám phá mới của khoa tâm lý và khoa sư phạm lành mạnh. Vì thế, bằng một chương trình thích hợp trong việc đào tạo, phải chú tâm vun trồng nơi các chủng sinh sự trưởng thành nhân bản cần thiết, được nhận biết cách chủ yếu qua sự ổn định tinh thần, qua khả năng quyết định chín chắn và qua cách nhận định chính xác về các biến cố và về con người. Các chủng sinh phải tập thói quen rèn luyện thật tốt tư cách của mình; phải được đào tạo để có tinh thần quả cảm, và cách chung họ phải học biết quý chuộng những đức tính được mọi người đánh giá cao và làm cho thừa tác viên của Đức Ki-tô được quý mến,**25** như tính trung thực, thái độ luôn quan tâm đến công bằng, trung tín giữ lời hứa, lịch thiệp, khiêm tốn và nhân ái trong giao tiếp.

Kỷ luật trong đời sống nơi chủng viện không những phải được coi như một trợ lực vững vàng cho đời sống cộng đoàn và đức bác ái, nhưng còn là một yếu tố cần thiết cho việc đào tạo toàn diện, nhằm tập được sự tự chủ, đạt đến sự trưởng thành nhân cách thật vững chắc, rèn luyện các thái độ tinh thần khác nữa, là những điều sẽ giúp rất nhiều cho hoạt động của Giáo Hội được ổn định và có hiệu quả. Dù sao đi nữa, kỷ luật này phải được áp dụng thế nào để các chủng sinh biết đón nhận quyền bính của các bề trên với thái độ xác tín nội tâm, nghĩa là vì lương tâm (x. Rm 13,5) và vì những lý do siêu nhiên. Những qui định kỷ luật phải được áp dụng tùy theo lứa tuổi, để khi thực tập dần dần làm chủ bản thân, các chủng sinh quen sử dụng sự tự do cách khôn ngoan, hành động cách tự nguyện và nhiệt tình, quen làm việc chung với anh em và với giáo dân.**26**

Nhờ được thấm nhuần lòng mộ mến việc đạo đức, yêu thích sự thinh lặng, và quan tâm đến việc tương trợ lẫn nhau, toàn bộ nếp sống trong chủng viện phải được quan niệm như là bước khởi đầu dẫn vào đời sống linh mục sau này.

**12**

Để cho việc đào tạo thiêng liêng được vững chắc hơn, và để các chủng sinh có một chọn lựa chín chắn trong việc theo đuổi ơn gọi, các Giám mục có bổn phận ấn định thời gian thích hợp cho một chương trình nghiêm huấn đặc biệt dẫn vào đời sống thiêng liêng. Các ngài cũng phải xét xem, nếu thuận tiện, có thể gián đoạn việc học trong một thời gian hoặc tổ chức kỳ thực tập mục vụ thích ứng để thử luyện cách đầy đủ hơn các ứng viên xin chịu chức linh mục. Các Giám mục có thể tùy theo hoàn cảnh từng miền mà quy định nâng cao mức tuổi chịu chức thánh do luật chung hiện thời ấn định, cũng có thể quyết định cho các chủng sinh, sau khi mãn ban thần học, thi hành chức vụ phó tế trong một thời gian thích hợp, trước khi được thụ phong linh mục.

**V. TU CHỈNH CÁC MÔN HỌC CỦA GIÁO HỘI**

**13**

Trước khi bắt đầu các môn riêng biệt của Giáo Hội, các chủng sinh phải học xong phần giáo dục nhân bản và khoa học mà các thanh niên trong quốc gia họ phải hoàn tất để có thể theo học các bậc cao đẳng. Ngoài ra, họ phải học tiếng Latinh để có thể hiểu và sử dụng những tư liệu gốc của rất nhiều môn khoa học và các tài liệu của Giáo Hội.**27** Họ cũng cần phải học ngôn ngữ phụng vụ riêng của từng nghi chế và và được khuyến khích rất nên có một kiến thức đầy đủ về các ngôn ngữ của Thánh Kinh và Thánh Truyền.

**14**

Trong việc tu chỉnh các môn học của Giáo Hội, cần phải làm nổi bật mối liên hệ giữa triết học và thần học, phải hòa hợp cả hai để mở rộng tâm trí chủng sinh đón nhận mầu nhiệm Chúa Ki-tô, một mầu nhiệm liên hệ đến toàn thể lịch sử nhân loại, hiện không ngừng tiếp diễn trong Giáo Hội và đang hoạt động cách chủ yếu qua thừa tác vụ linh mục.**28**

Để các chủng sinh có được cái nhìn chung ấy ngay lúc khởi đầu việc đào tạo, họ phải qua một khóa học dẫn nhập, kéo dài trong một thời gian thích hợp, trước khi học các môn của Giáo Hội. Trong khóa nhập môn này, các giáo sư sẽ trình bày mầu nhiệm Cứu độ để các chủng sinh nhận thức được ý nghĩa, chương trình và mục đích mục vụ của những môn học của Giáo Hội, đồng thời để giúp họ biết xây dựng và làm cho cả cuộc sống được thấm nhuần đức tin, và cũng để được kiên vững trong ơn gọi với một tâm hồn hân hoan tự nguyện hiến dâng cuộc đời mình.

**15**

Chủng viện phải dạy các bộ môn triết học thế nào để giúp các chủng sinh thâu thập được một kiến thức chắc chắn và có hệ thống về con người, về thế giới và về Thiên Chúa, dựa vào di sản triết học có giá trị ngàn đời,**29** đồng thời cũng nhờ đến những công trình nghiên cứu của triết học hiện đại, nhất là của những khuynh hướng triết học đang ảnh hưởng mạnh nhất trong quốc gia họ cũng như của những tiến bộ mới nhất trong các ngành khoa học, để nhờ đó, khi đã hiểu rõ tâm thức thời đại, các chủng sinh sẽ được chuẩn bị một cách thích hợp để đối thoại với người đương thời.**30**

Môn triết sử phải được dạy để giúp các chủng sinh nắm được các nguyên lý tối hậu của các triết thuyết khác nhau, biết giữ lại những gì là chân thật, có thể khám phá và luận bác những sai lầm ngay tận cội nguồn của các chủ thuyết.

Phương thức giảng dạy phải gợi lên nơi chủng sinh tình yêu chân lý mà họ phải nghiêm túc tìm kiếm, nghiệm xét và minh chứng, nhưng cũng phải nhận thức được giới hạn hiểu biết của con người. Các giáo sư phải cẩn thận quan tâm đến liên hệ giữa triết lý và những vấn đề thiết thực của cuộc sống hay những vấn nạn đang khuấy động tâm trí chủng sinh; các ngài phải giúp họ khám phá những liên hệ giữa suy luận triết học và các mầu nhiệm cứu độ được học hỏi trong khoa thần học dưới ánh sáng cao vời của đức tin.

**16**

Chủng viện phải dạy các môn thần học trong ánh sáng đức tin, dưới sự hướng dẫn của Huấn quyền Hội Thánh**31** để các chủng sinh chuyên tâm kín múc từ nguồn mạc khải thần linh học thuyết công giáo, thấu hiểu tường tận và sử dụng làm lương thực cho đời sống thiêng liêng,**32** để rồi trong thời gian thi hành thừa tác vụ linh mục, họ có thể rao giảng, trình bày và bảo vệ giáo thuyết ấy.

Các chủng sinh phải đặc biệt chuyên cần học hỏi về Thánh Kinh, môn học được xem như linh hồn của toàn thể khoa thần học;**33** sau phần nhập môn thích hợp, họ cần được cẩn thận dẫn nhập vào phương pháp chú giải, thấu triệt các đề tài lớn của Mạc khải, cũng như được khích lệ và bồi dưỡng trong việc đọc và suy gẫm Thánh Kinh hằng ngày.**34**

Môn thần học tín lý phải được sắp xếp theo một chương trình để trước tiên, trình bày các chủ đề Thánh Kinh; tiếp đến cho các chủng sinh thấy được những điều các Giáo phụ Đông và Tây Phương đã đóng góp vào việc trung thành truyền đạt và triển khai từng chân lý mạc khải, đồng thời cho biết diễn tiến lịch sử hình thành các tín điều được trình bày trong mối liên hệ với lịch sử chung của Giáo Hội;**35** sau đó, giúp các chủng sinh ngày càng thông hiểu các mầu nhiệm cứu độ, bằng cách suy luận, học hỏi nơi thánh Tôma là bậc thầy, để tìm hiểu tường tận và nhận ra mối liên hệ giữa các mầu nhiệm ấy;**36** các chủng sinh cũng phải học hỏi để nhận thức được rằng các mầu nhiệm cứu độ này luôn hiện diện và tác sinh hiệu quả trong các cử hành phụng vụ**37** và trong toàn thể đời sống Giáo Hội; đồng thời học biết cách giải đáp các vấn đề nhân sinh dưới ánh sáng Mạc Khải, biết áp dụng chân lý vĩnh cửu vào những thực tại con người ngay trong một thế giới luôn biến đổi và biết thông truyền các chân lý ấy cách thích hợp với con người thời đại.**38**

Những bộ môn thần học khác cũng phải được canh tân nhờ tiếp xúc sinh động hơn với Mầu nhiệm Chúa Ki-tô và lịch sử cứu độ. Phải đặc biệt chú ý hoàn thiện môn thần học luân lý, nhờ cách trình bày mang tính khoa học và thấm nhuần giáo lý Thánh Kinh hơn, sẽ làm nổi bật tính cách cao cả của ơn gọi nơi người tín hữu trong Chúa Ki-tô, cũng như trách nhiệm phải mang lại hoa trái cho cuộc sống trần thế trong đức ái. Cũng thế, khi trình bày giáo luật và giáo sử, phải dựa trên mầu nhiệm Giáo Hội theo Hiến chế tín lý “về Giáo Hội” do Thánh Công Đồng này công bố. Môn Phụng vụ thánh phải được coi là nguồn mạch khởi phát và cần thiết cho tinh thần Ki-tô giáo đích thực, nên phải được giảng dạy đúng theo tinh thần của khoản 15 và 16 của Hiến chế về Phụng vụ thánh.**39**

Tùy theo hoàn cảnh đặc thù của những miền khác nhau, các chủng sinh phải được hướng dẫn để hiểu biết đầy đủ hơn về những Giáo Hội và các Cộng Đồng Giáo Hội đã ly tán khỏi Tòa Thánh Rô-ma, để có thể góp phần xúc tiến việc tái lập sự hợp nhất giữa toàn thể Ki-tô hữu theo các chỉ thị của Thánh Công Đồng này.**40**

Hơn nữa, phải khai mở cho các chủng sinh hiểu biết các tôn giáo khác đang phổ biến cách đặc biệt trong mỗi miền, để họ khám phá những điều chân thật và tốt lành do Thiên Chúa an bài nơi các tôn giáo ấy; biết phủ nhận những sai lạc và có thể thông truyền đầy đủ ánh sáng cho những kẻ chưa đón nhận chân lý.

**17**

Vì việc học hỏi về giáo thuyết không chỉ đơn thuần nhằm truyền thông các khái niệm, nhưng để đào tạo các chủng sinh cách đích thực và sâu xa, nên phải nhờ đến các phương pháp sư phạm hoặc bằng cách tổ chức các khóa học, hội thảo và thực tập, hoặc khích lệ chủng sinh làm việc riêng hay từng nhóm nhỏ. Các giáo sư cũng phải chú tâm đến sự thống nhất và liên kết chặt chẽ trong toàn bộ chương trình giáo dục; tránh việc gia tăng quá nhiều các bộ môn hay khóa học, và cũng phải loại bỏ những vấn đề hầu như không còn hợp thời nữa hay dành cho những nghiên cứu chuyên sâu hơn ở bậc cao học.

**18**

Các Giám mục phải chú ý đến việc gửi các chủng sinh có tư cách, đạo đức và thông minh đến các Học viện chuyên biệt, đến các Phân khoa hay Đại học, để chuẩn bị cho những linh mục được học hành ở cấp cao hơn và uyên thâm hơn về các khoa học thánh cũng như các khoa chuyên ngành cần thiết khác, để có thể đáp ứng những nhu cầu đa dạng trong sứ vụ tông đồ; nhưng không bao giờ được xem thường việc đào tạo thiêng liêng và mục vụ, nhất là khi họ chưa chịu chức Linh mục.

**VI. CỔ VÕ VIỆC HUẤN LUYỆN MỤC VỤ**

**19**

Mối quan tâm về mục vụ phải chi phối tất cả việc đào tạo chủng sinh,**41** nên cũng đòi hỏi chủng sinh phải được giáo huấn cẩn thận về những gì đặc biệt liên quan đến chức vụ thánh: nhất là việc dạy giáo lý và giảng thuyết, việc cử hành phụng vụ và ban phát các bí tích, hoạt động bác ái, nghĩa vụ đi tìm những người lầm lạc và vô tín, nhưng cũng không quên các trách nhiệm mục vụ khác. Các chủng sinh phải được dạy bảo về nghệ thuật dìu dắt các linh hồn, để có thể hướng dẫn mọi thành phần trong Giáo Hội trước hết có được đời sống Ki-tô hữu đầy ý thức và nhiệt tình tông đồ và chu toàn bổn phận của bậc sống mình. Chủng sinh cũng phải học biết cách ân cần giúp đỡ các tu sĩ nam nữ bền đỗ trong ơn gọi riêng và tiến đức theo tinh thần của các Hội dòng.**42** Cách chung phải giúp triển khai nơi các chủng sinh những khả năng thích hợp vô cùng cần thiết trong việc đối thoại: như biết lắng nghe kẻ khác, và biết mở rộng tâm hồn trong tình bác ái trước nhu cầu của con người trong những hoàn cảnh khác nhau.**43**

**20**

Chủng viện cũng phải dạy cho các chủng sinh biết sử dụng những phương thế trợ giúp của các khoa sư phạm, tâm lý học cũng như xã hội học,**44** dựa theo những phương pháp đúng đắn và phù hợp với những quy định do thẩm quyền Hội Thánh ấn định. Họ cũng phải được huấn luyện để biết quan tâm khơi dậy và khích lệ hoạt động tông đồ giáo dân**45** cũng như giúp phát huy những hình thức hoạt động tông đồ đa dạng và hữu hiệu. Cuối cùng, phải giúp họ thấm nhuần tinh thần công giáo đích thực, để biết hoạt động vượt khỏi ranh giới giáo phận, quốc gia hoặc nghi chế phụng vụ riêng, để hỗ trợ những nhu cầu của toàn thể Giáo Hội và sẵn lòng đi rao giảng Phúc Âm ở bất cứ nơi nào trên thế giới.**46**

**21**

Vì các chủng sinh phải được đào tạo về hoạt động tông đồ không chỉ trên bình diện lý thuyết nhưng cả trong thực hành, và phải biết cách làm việc trong những trách vụ cá nhân cũng như trong các hoạt động tập thể, nên ngay trong kỳ học hay trong thời gian nghỉ hè, họ cần được thực tập mục vụ với những công tác thích hợp; các công tác này phải được thực hiện cách có phương pháp, hợp với độ tuổi của chủng sinh và hoàn cảnh địa phương, dựa theo phán đoán cẩn trọng của các Giám mục, với sự hướng dẫn của các nhà chuyên môn giàu kinh nghiệm về mục vụ, trong khi vẫn luôn nhắc nhớ các chủng sinh về tính cách ưu tiên của những phương tiện siêu nhiên.**47**

**VII. BỔ TÚC VIỆC HUẤN LUYỆN SAU KHI MÃN TRƯỜNG**

**22**

Trong hoàn cảnh của xã hội đương thời, việc huấn luyện linh mục phải được tiếp tục và kiện toàn, ngay cả sau khi kết thúc qui trình học vấn trong chủng viện,**48** nên các Hội Đồng Giám mục phải chú tâm đến những phương thế thích thích hợp nhất cho từng quốc gia, như thiết lập Học Viện Mục Vụ liên kết với những giáo xứ được chọn lựa kỹ lưỡng, tổ chức các buổi hội thảo định kỳ, những khóa thực tập chuyên biệt. Nhờ thế, trong các lãnh vực thiêng liêng, trí thức và mục vụ, các linh mục trẻ sẽ dần dần hòa nhập cũng như liên lỉ canh tân và phát huy đời sống linh mục và hoạt động tông đồ.

**KẾT LUẬN**

Các Nghị phụ vẫn tiếp tục công trình đã được Công Đồng Tren-tô khởi xướng, tin tưởng trao phó cho các vị Giám Đốc và Giáo sư chủng viện nhiệm vụ đào tạo các linh mục tương lai của Chúa Ki-tô trong tinh thần canh tân do Thánh Công Đồng này cổ võ, đồng thời cũng tha thiết nhắn nhủ những người đang chuẩn bị lãnh nhận thừa tác vụ linh mục hãy cảm nhận sâu xa về niềm hy vọng của Giáo Hội và ơn cứu rỗi của các linh hồn được uỷ thác cho họ, và khi thành tâm đón nhận các chỉ thị của sắc lệnh này, mong rằng họ sẽ mang lại thật nhiều hoa trái vững bền.

*Tất cả và từng điều được ban bố trong Sắc Lệnh này đều đã được các Nghị phụ Thánh Công Đồng chấp thuận. Và, với thẩm quyền tông truyền nhận được từ Chúa Ki-tô, hợp nhất với các Nghị phụ khả kính, trong Chúa Thánh Thần, Chúng Tôi phê chuẩn, quyết nghị và xác lập, và những gì đã được xác lập theo thể thức Công Đồng, Chúng Tôi truyền công bố cho Danh Chúa cả sáng.*

Rô-ma, tại Đền Thánh Phê-rô, ngày 28 tháng 10 năm 1965  
Tôi, PHAO-LÔ, Giám mục Giáo Hội Công giáo  
(Tiếp theo là chữ ký của các Nghị phụ)

**Chú thích**

**1** Chính Chúa Ki-tô đã muốn cho việc thi hành tác vụ Linh mục gắn liền với việc phát triển đoàn dân Chúa. Điều này thấy rõ trong lời Chúa phán khi đặt các Tông Đồ cũng như những người kế vị và cộng tác với các ngài, làm sứ giả Tin Mừng, làm thủ lãnh đoàn dân ưu tuyển mới được thành lập, và làm quản lý phân phát các mầu nhiệm Thiên Chúa. Hơn nữa những ngôn từ của các Giáo Phụ, các Thánh, và những tài liệu được nhắc đi nhắc lại nhiều lần của các Đức Giáo Hoàng đều xác quyết như thế; x. nhất là: T. PI-Ô X, Huấn dụ cho các giáo sĩ *Haerent animo*, 4.8.1908: S. Pii X Acta IV, trang 237 – 264; PI-Ô XI, Thông điệp *Ad Catholici Sacerdotii*, 20.12.1935: AAS 28 (1936) nhất là tr. 37 -52; PI-Ô XII, Tông huấn *Menti Nostrae,* 23.9.1950: AAS 42 (1950) tr. 657-702; GIO-AN XXIII, Thông điệp *Sacerdotii Nostri Primordia*, 1.8.1959: AAS 51 (1959), tr. 545 – 579; PHAO-LÔ VI, Tông thư *Summi Dei Verbum*, 4.11.1963: AAS 55 (1963), tr. 979 – 995.

**2** Tất cả việc đào tạo linh mục, nghĩa là việc tổ chức chủng viện, huấn luyện đời sống thiêng liêng, phương thức học hành, đời sống chung và kỷ luật của chủng sinh, thực tập mục vụ đều phải thích nghi với hoàn cảnh khác nhau của địa phương. Những điểm chính yếu trong việc thích nghi này phải được thực hiện theo những quy tắc chung do Hội Đồng Giám mục đề ra để áp dụng cho giáo sĩ triều, và tùy trường hợp, có thể do các vị bề trên có thẩm quyền đưa ra để áp dụng cho giáo sĩ dòng (x. Thánh Bộ Dòng Tu, Tông hiến *Sedes Sapientiae* và bản đính phụ *Statuta Generalia* tiết mục 19, xb. lần 2, Rô-ma (1957), tr. 38 tt.

**3** Một trong những mối lo âu chính yếu của Giáo Hội ngày nay là hầu như khắp nơi đều thấy số ơn thiên triệu giảm sút rất nhiều; x. PI-Ô XII, Tông Huấn *Menti Nostrae*: “… Ở các miền công giáo cũng như nơi các xứ truyền giáo; con số linh mục hầu như không đủ để đáp ứng những nhu cầu càng ngày càng tăng”: AAS 42(1950), tr. 682; GIO-AN XXIII: “Vấn đề ơn thiên triệu giáo sĩ và tu sĩ là mối lo âu hàng ngày của Giáo Hoàng…, đó là lời khẩn cầu của Giáo Hoàng khi cầu nguyện, là ước vọng mãnh liệt trong tâm hồn Giáo Hoàng.” (Trích *Huấn từ cho Đại Hội Quốc Tế I về ơn gọi tiến tới bậc trọn lành*, 16.12.1961: AAS 54 (1962), tr. 33).

**4** PI-Ô XII, Tông hiến *Sedes Sapientiae*, 31.5.1956: AAS 48 (1956), tr. 357; PHAO-LÔ VI Tông thư *Summi Dei Verbum*, 4.11.1963: AAS 55 (1963), tr. 984tt.

**5** x. PI-Ô XII, Tự sắc *Cum Nobis* “Về việc thành lập Hiệp hội Giáo hoàng cổ võ ơn thiên triệu linh mục tại Thánh bộ Chủng viện và Đại học”, ngày 4.11.1941: AAS 33 (1941), tr. 479; với các điều lệ và nội quy cũng do Thánh bộ này phổ biến ngày 8.9.1943. Tự sắc *Cum Supremae* “Về Hiệp hội Giáo hoàng cổ võ ơn thiên triệu tu sĩ”, ngày 11.2.1955: AAS 47 (1955), tr. 266; với các Điều lệ và nội quy do Thánh bộ Dòng tu phổ biến (nt., tr. 298 – 301); CĐ VA-TI-CA-NÔ II, Sắc lệnh về việc canh tân thích nghi đời sống tu trì, 24; Sắc lệnh về nhiệm vụ mục vụ của các Giám mục trong Giáo Hội *Christus Dominus*, 15.

**6** x. PI-Ô XII, Tông huấn *Menti Nostrae*, 23.9.1950: AAS 42 (1950), tr. 685.

**7** x. CĐ VA-TI-CA-NÔ II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội *Lumen Gentium*, 28.

**8** x. PI-Ô XI, Thông điệp *Ad Catholici Sacerdotii*, 20.12.1935: AAS 28 (1936), tr. 37: “Trước hết, mối ưu tư lớn lao nhất là chọn lựa ban giám đốc và giáo sư… Hãy bổ nhiệm vào chủng viện những linh mục ưu tú nhất, đừng vì tiếc mà dành họ lại cho bất cứ chức vụ nào khác, kể cả những chức vụ có vẻ danh giá nhưng thực sự không sao sánh được với sứ mệnh thiết yếu và không thể thay thế kia”. Đức Piô XII cũng đã đề cập đến nguyên tắc phải chọn những vị ưu tú nhất; x. Tông thư gởi các Đấng bản quyền Brasil, 23.4.1947, *Discorsi e Radiomessaggi IX*, tr. 579-580.

**9** Về bổn phận giúp đỡ chủng viện; x. PHAO-LÔ VI, Tông thư *Summi Dei Verbum*, 4.11.1963: AAS 55 (1963), tr. 984.

**10** Theo các đề nghị tu chỉnh, các trách vụ linh mục phải hiểu đặc biệt về sự độc thân, các bổn phận mục vụ như có thể nghe, hiểu, đối thoại, và hướng dẫn người khác.

**11** x. PI-Ô XI, Thông điệp *Ad Catholici Sacerdotii*, 20.12.1935 : AAS 28 (1936), tr. 41.

**12** Để các Giám mục liên hệ có thể tham gia việc dự thảo quy chế cho các chủng viện toàn miền hay toàn quốc, khoản Giáo luật 1357, 4 đã bị hủy bỏ.

**13** x. PI-Ô XII, Tông huấn *Menti Nostrae*, 23.9.1950 : AAS 42 (1950), tr. 675; THÁNH BỘ CHỦNG VIỆN VÀ ĐẠI HỌC, *La Formazione spirituale del candidato al sacerdozio*, Città del Vaticano, 1965.

**14** x. T. PI-Ô X, Huấn dụ hàng Giáo sĩ *Haerent animo*, 4.8.1908 : S. Pii X Acta, IV, tr. 242 -244; PI-Ô XII Tông huấn *Mentii Nostrae*, 23.9.1950: AAS 42 (1950), tr. 659-651; GIO-AN XXIII, Thông điệp *Sacerdotii Nostri Primordia*, 1.8.1959: AAS 54 (1959), tr. 550tt.

**15** x. PI-Ô XII, Thông điệp *Mediator Dei*, 20.11.1947: AAS 39 (1947), tr. 547tt và 572tt.; GIO-AN XXIII, Tông huấn*Sacrae Laudis*, 6.1.1962: AAS 54 (1962), tr. 69; CĐ VA-TI-CA-NÔ II, Hiến chế về Phụng vụ thánh *Sacrosanctum Concilium* số 16 và 17: AAS 56 (1964), tr. 104tt.; THÁNH BỘ NGHI LỄ, *Instructio ad exsecutionem Consititutionis de sacra liturgia recte ordinandam*, 26.9.1964, số 14-17: AAS 56 (1964), tr. 880tt.

**16** x. GIO-AN XXIII, Thông điệp *Sacerdotii Nostri Primordia*: AAS 51 (1959), tr. 559t.

**17**

**18** T. AUGUSTINÔ, *In Ioanem tract.,* 32,8 : PL 35, 1646.

**19** x. PI-Ô XIII, Tông huấn *Menti Nostrae*: AAS 42 (1950), tr. 662 tt, 685, 690; GIO-AN XXIII, Thông điệp *Sacerdotii Nostri Primodia*: AAS 51 (1959), tr. 551, 553, 556; PHAO-LÔ VI, Thông điệp *Eclesiam Suam*, 6.8.1964: AAS 56 (1964), tr. 634 tt.; CĐ VA-TI-CA-NÔ II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội *Lumen gentium*, 8.

**20** x. PI-Ô XII, Thông điệp *Sacra Virginitas*, 25.3.1954: AAS 46 (1954), tr. 165 tt.

**21** x. PI-Ô XII, Thông điệp *Sacra Virginitas*, 25.3.1954: AAS 46 (1954), tr. 165 tt.

**22** x. PI-Ô XII, Tông huấn *Menti Nostrae*: AAS 42 (1950), tr. 663.

**23** x. PI-Ô XII, Thông điệp *Saera Virgintas*: AAS 42 (1950), tr. 170-174.

**24** x. PI-Ô XII, Tông huấn *Menti Nostrae:* AAS 42 (1950), tr. 664 và 690tt.

**25** x. PHAO-LÔ VI, Tông thư *Summi Dei Verbum*, 4.11.1963 : As 55 (1963) tr. 991.

**26** x. PI-Ô XII, Tông huấn *Menti Nostrae*, nt., tr. 686.

**27** x. PHAO-LÔ VI, Tông Thư *Summi Dei Verbum*, nt., tr. 993.

**28** x. CĐ VA-TI-CA-NÔ II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội *Lumen Gentium*, 7 và 28.

**29** x. PI-Ô XII, Thông điệp *Humani Generis*, 12.8.1950: AAS 42 (1950), tr. 571-575.

**30** x. PHAO-LÔ VI, Thông điệp *Ecclesiam Suam*, 6.8.1964: A A S 56 (1964), tr. 637tt.

**31** x. PI-Ô XII, Thông điệp *Humani Generis*, 12.3.1950: AAS 42 ( 1950), tr. 567- 569; Diễn văn *Si Diligis*, 31.5.1954: AAS 46 ( 1954), tr. 314tt.; PHAO-LÔ VI, *Diễn văn đọc tại Đại học Grêgôriô*, 12.3.1964: ASS 56 (1964), tr. 364; CĐ VA-TI-CA-NÔ II Hiến Chế tín lý về Giáo Hội *Lumen Gentium*, 25.

**32** x. T. BÔ-NA-VEN-TU-RA, *Itinerarium mentis in Deum*, Prol. số 4: “Ước gì đừng ai tự phụ nghĩ rằng mình chỉ cần đọc qua mà không cần thấm nhuần, chỉ cần tìm hiểu mà không cần sùng kính, chỉ cần khảo cứu mà không cần khâm phục, chỉ cần chú tâm mà không cần hân hoan, chỉ cần khéo léo mà không cần đạo hạnh, chỉ cần kiến thức mà không cần yêu thương, chỉ cần hiểu biết mà không cần khiêm tốn, chỉ cần nỗ lực mà không cần ơn thánh, chỉ cần ánh sáng mà không cần đức khôn ngoan thần linh” (Thánh Bô-na-ven-tu-ra, *Opera Omnia*, V, Quaracchi 1891, tr. 296).

**33** x. LÊ-Ô XIII, Thông điệp *Providentissimus Deus*, 18.11.1893: ASS 25 (1893-1894), tr. 283.

**34** x. ỦY BAN GIÁO HOÀNG VỀ THÁNH KINH, *Instructio de Sacra Scriptura*, 13.5.1950: AAS 42 ( 1950), tr. 502.

**35** x. PI-Ô XII, Thông điệp *Humani Generis*, 12.8.1950: AAS 42 ( 1950), tr. 568tt.: “nhờ khảo cứu tận nguồn gốc mà khoa thần học luôn trẻ trung, trong khi đó, kinh nghiệm đã minh chứng rằng thuyết lý không chịu đào sâu vào kho tàng Mạc Khải chỉ là một thuyết lý khô cằn,”.

**36** x. PI-Ô XII, *Bài giảng cho các chủng sinh*, 12.8.1950:AAS 31 ( 1939), tr. 247: “khuyến khích học thuyết của thánh Tôma không có nghĩa là bóp nghẹt, nhưng là thúc đẩy và hướng dẫn việc kiếm tìm và quảng bá chân lý”; PHAO-LÔ VI, *Diễn văn đọc tại Đại Học Grêgôriô*, 12.3.1964:AAS 56 ( 1964), tr. 365: “các giáo sư nên chú tâm đến học thuyết của các vị Tiến Sĩ trong Giáo Hội, và đặc biệt là thánh Tôma Aquinô. Quả thật, vị Tiến sĩ thiên thần này với trí thông minh sâu sắc, lòng yêu chân lý trung thực, sự khôn ngoan phi thường, đã đào sâu, tổng hợp và trình bày những chân lý cao sâu nhất, đến nỗi học thuyết của ngài đã thành khí cụ hiệu nghiệm nhất, không những để xây nền vững chắc cho đức tin mà còn để thu lượm cách chắc chắn và hữu hiệu những kết qủa của bước tiến triển lành mạnh”; x. *Diễn văn đọc trước Đại Hội Quốc tế kỳ VI về học thuyết Tôma*, 10.9.1965:AAs 57 (1965), tr. 788-792.

**37** x. CĐ VA-TI-CA-NÔ II, Hiến chế về Phụng vụ thánh *Sacrosanctum Concilium*, 7 và 16: AAS 56 (1964), tr. 100tt. và 104tt.

**38** x. PHAO-LÔ VI, Thông điệp *Ecclesiam Suam*, 6.8.1964: ASS 56 (1964), tr. 640tt.

**39** CĐ VA-TI-CA-NÔ II, Hiến chế về Phụng vụ thánh *Sacrosanctum Concilium*, 10, 14, 15, 16; THÁNH BỘ NGHI LỄ, *Instructio ad exsecutionem Constitution de Sacra Liturgia recte ordinandam*, 26.9.1964, số 11 và 12: AAS 56 (1964), tr. 879tt.

**40** CĐ VA-TI-CA-NÔ II, Sắc Lệnh về Hiệp nhất *Unitatis Redintegratio*, 1, 9, 10: AAS 57 (1965), tr. 90 và 98tt.

**41** Có thể trích dẫn những tài liệu của các vị Giáo Hoàng mới đây để nói về khuôn mẫu của một chủ chăn. Đó là những tài liệu bàn về đời sống, các đức tính và công việc đào tạo các Linh Mục, đặc biệt là các tài liệu của : T. PI-Ô X, Tông huấn cho hàng giáo sĩ *Haerent animo*; T. PI-Ô X, Acta IV, tr 237tt.; PI-Ô XI, Thông điệp*Ad Catholici Sacerdotii*: AAS 28 (1936), tr.5tt.; PI-Ô XII, Tông huấn *Menti Nostrae*: AAS 42 (1950), tr. 657tt.; GIO-AN XXIII, Thông điệp *Sacerdotii Nostri Primordia*: AAS 51(1959), tr. 545tt.; PHAO-LÔ VI, Tông thư *Summi Dei Verbum*: AAS 55 (1963), tr. 979tt. Những ý tưởng về đào tạo linh mục còn thấy rải rác trong các thông điệp: *Mystici Corporis* (1943), *Mediator Dei* (1947), *Evangelii Praecones* (1951), *Sacra Virginitas* (1954), *Musicae Sacrae Disciplina* (1955), *Princeps Pastorum* (1959) và Tông hiến cho các tu sĩ *Sedes Sapientiae* (1956). Đức PI-Ô XII, GIO-AN XXIII và PHAO-LÔ VI đã nhiều lần phác họa hình ảnh của vị chủ chăn lành trong các diễn từ dành cho chủng sinh và linh mục.

**42** Về giá trị của bậc sống của những người khấn giữ những lời khuyên Phúc Âm, x. CĐ VA-TI-CA-NÔ II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội, ch. VI; Sắc lệnh về việc Canh tân thích nghi đời sống dòng tu.

**43** x. PHAO-LÔ VI, Thông điệp *Ecclesiam suam*, 6.8.1964: AAS 56 (1964), nhất là tr. 635t. và 640tt.

**44** Nhất là x. GIO-AN XXIII, Thông điệp *Mater et Magistra*, 15.3.1961: AAS 53 (1961), tr. 401tt.

**45** Đặc biệt x. CĐ VA-TI-CA-NÔ II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội, 33.

**46** x. CĐ VA-TI-CA-NÔ II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội, số 17.

**47** Nhiều văn kiện của các Đức Giáo Hoàng nêu rõ nguy cơ xao lãng mục đích siêu nhiên trong hoạt động mục vụ hoặc thực tế coi rẻ việc trợ giúp siêu nhiên, đặc biệt xem những văn kiện ghi trong chú thích 41.

**48** Nhiều văn kiện mới đây của Tòa Thánh thiết tha yêu cầu đặc biệt săn sóc các linh mục mới chịu chức. Có thể kể những văn kiện chính: PI-Ô XII, Tự Sắc *Quadoquidem*, 2.4.1949: AAS 41 (1949), tr. 165-167; Tông huấn *Menti Nostrae*, 23.9.1950: AAS 42 (1950); Tông hiến cho tu sĩ *Sedes Sapientiae*, 31.5.1956 và quy chế tổng quát đính kèm; Diễn văn cho các Linh mục “*Convictus Barcionensis*”, 14.6.1957: Discorsi e Radiomessagi, XIX, tr. 271-273; PHAO-LÔ VI, Diễn văn đọc trước các linh mục học viện “Gian Matteo Giberti”, giáo phận Verona, 11.3.1964: *L’Osservatore Romano*, 13.3.1964.